

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: /CTQNG - TTHT
V/v tuyên truyền chính sách ưu đãi thuế
đối với Hợp tác xã nông nghiệp

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày tháng năm

Kính gửi: Các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 18/7/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 106/NQ-CP về phát triển hợp tác xã nông nghiệp trong tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 15/3/2024 và văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 106/NQ-CP của Chính phủ.

Nhằm hỗ trợ, giúp cho các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn nắm bắt kịp thời chính sách thuế ưu đãi thuế cho hợp tác xã nông nghiệp, Cục Thuế giới thiệu một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về chính sách ưu đãi thuế đối với hợp tác xã nông nghiệp:

1. Một số quy định về thuế giá trị gia tăng (GTGT):

- Thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT trong trường hợp:

Sản phẩm trồng trọt (bao gồm cả sản phẩm rừng trồng), chăn nuôi, thủy sản, hải sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của hợp tác xã tự sản xuất, đánh bắt bán ra thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015.

- Thuộc đối tượng không kê khai, tính nộp thuế GTGT trong trường hợp:

Hợp tác xã nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ bán sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường cho doanh nghiệp, hợp tác xã ở khâu kinh doanh thương mại không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT. Trên hóa đơn GTGT, ghi dòng giá bán là giá không có thuế GTGT, dòng thuế suất và thuế GTGT không ghi, gạch bỏ (quy định tại Khoản 5 Điều Điều 5 Thông tư số 219/TT-BTC ngày 31/12/2013).

- Thuộc đối tượng chịu thuế GTGT với thuế suất 5% trong trường hợp:

Hợp tác xã nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ bán sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường cho các đối tượng khác như hộ, cá nhân kinh doanh và các tổ chức, cá nhân khác thì phải kê khai, tính nộp thuế GTGT theo mức thuế suất 5% (quy định tại Khoản 5 Điều Điều 5 và Khoản 5 Điều 10 Thông tư số 219/TT-BTC ngày 31/12/2013).

- Trường hợp hợp tác xã và tổ chức kinh tế khác nộp thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT khi bán sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường ở khâu kinh doanh thương mại thì kê khai, tính nộp thuế GTGT theo tỷ lệ 1% trên doanh thu (quy định tại Khoản 5 Điều 5 Thông tư số 219/TT-BTC ngày 31/12/2013).

2. Một số quy định ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

- Tại Điều 1 Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN; Điều 1 Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế; Điều 8 Thông tư số 78/2014/TT-BTC; Điều 6 Thông tư số 96/2015/TT-BTC quy định thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với:

+ Thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản, sản xuất muối của hợp tác xã; thu nhập của hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

Hợp tác xã trồng cao su được miễn thuế đối với thu nhập từ hoạt động trồng trọt, khai thác mủ tươi.

Sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng của hợp tác xã và của doanh nghiệp được xác định căn cứ theo mã ngành kinh tế cấp 1 của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản quy định tại Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam”.

+ Thu nhập từ việc thực hiện dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ nông nghiệp gồm: thu nhập từ dịch vụ tưới, tiêu nước; cày, bừa đất; nạo vét kênh, mương nội đồng; dịch vụ phòng trừ sâu, bệnh cho cây trồng, vật nuôi; dịch vụ thu hoạch sản phẩm nông nghiệp.

- Về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi đối với hợp tác xã nông nghiệp:

Tại Khoản 3 Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 quy định trường hợp được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động: *“Phần thu nhập của hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp không thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn và địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn”*.

3. Một số quy định ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân (TNCN):

Một số quy định về miễn thuế TNCN liên quan đến thành viên hợp tác xã là hộ, gia đình, cá nhân:

Tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 quy định về một số khoản thu nhập được miễn thuế TNCN:

- Thu nhập từ chuyển đổi đất nông nghiệp để hợp lý hóa sản xuất nông nghiệp nhưng không làm thay đổi mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, được Nhà nước giao để sản xuất.

- Thu nhập của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp tham gia vào hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản chưa qua chế biến hoặc chỉ qua sơ chế thông thường chưa chế biến thành sản phẩm khác.

4. Một số quy định ưu đãi về lệ phí môn bài:

Được miễn lệ phí môn bài theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 22/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 trong trường hợp:

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (bao gồm cả chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh) hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp theo quy định của pháp luật về hợp tác xã nông nghiệp.

- Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã tại địa bàn miền núi (địa bàn miền núi được xác định theo quy định của Ủy ban Dân tộc).

5. Một số quy định ưu đãi về tiền thuê đất:

- Được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước cho cả thời hạn thuê trong trường hợp Hợp tác xã nông nghiệp sử dụng đất làm mặt bằng xây dựng trụ sở hợp tác xã, sân phơi, nhà kho; xây dựng các cơ sở dịch vụ trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối (quy định tại Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014).

- Được giảm 50% tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê đất trong trường hợp Hợp tác xã thuê đất để sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh (quy định tại Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014).

Cục Thuế tỉnh Quảng Ngãi thông tin để Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (thay báo cáo);
- Lãnh đạo Cục;
- Ban Tuyên giáo tỉnh (phối hợp);
- Đài PTTH, Báo Quảng Ngãi (phối hợp);
- Các Phòng, các CCT;
- BBT Trang TTĐT;
- Lưu: VT, TTHT (pttngan.qng).

**KT.CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Đinh Thiên Khanh